

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 279/2022/DS-PT

Ngày: 21- 11- 2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua
bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm;
Bà Nguyễn Ái Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 329/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mai Văn P, sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Q, xã Tân H, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang

- Bị đơn:

1. Anh Trương Văn Q (tên thường gọi B X), sinh năm 1963 (có mặt);

2. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng cư trú tại: ấp Hòa P, xã Hòa K, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người kháng cáo: Bị đơn anh Trương Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn anh Mai Văn P trình bày:

Vào năm 2018 anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim L có mua hàng hóa của anh P nhiều lần và vào ngày 06/02/2018 thì hai bên chốt lại nợ thì anh Q

còn nợ với tổng số tiền là 60.720.000 đồng có làm giấy anh Q có ký tên. Sau đó đến ngày 20/9/2018 thì anh Q và chị L trả được số tiền 20.000.000 đồng, ngày 20/10/2018 thì anh Q và chị L trả được số tiền 20.000.000 đồng và ngày 20/11/2018 thì trả tiếp số tiền 4.000.000 đồng, tổng cộng là 44.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 16.740.000 đồng và hẹn đến tháng 12/2018 trả đủ nhưng đến hẹn anh Q và chị L không trả và anh có đến đòi nhiều lần nhưng anh Q và chị L không trả và kéo dài cho đến nay.

Nay anh P khởi kiện yêu cầu anh Q phải trả số tiền 16.740.000 đồng, làm một lần kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chị L cùng với anh Q trả số tiền trên.

** Bị đơn anh Trương Văn Q trình bày:*

Anh xác định có mua hàng hóa của anh P, sau khi đối chiếu thì còn nợ lại số tiền là 60.720.000 đồng và anh có trả được 03 lần với số tiền là 44.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu lại thì có 03 biên nhận không phải do anh nhận nên anh không đồng ý trả. Cụ thể tại các phiếu giao hàng ngày 02/02/2018 với số tiền 4.389.000 đồng; phiếu giao hàng ngày 29/01/2018 với số tiền 5.500.000 đồng và phiếu giao hàng ngày 27/01/2018 với số tiền 3.300.000 đồng. Anh chỉ đồng ý trả số tiền theo các biên nhận mà anh đã ký.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Chị L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh P chỉ đồng ý cùng anh Q trả cho anh P số tiền trên khi nào anh P làm rõ từng phiếu giao hàng do ai là người nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 468, Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn P. Buộc anh Trương Văn Q (tên thường gọi BX) phải có nghĩa vụ trả cho anh Mai Văn P số tiền 16.740.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn P về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim L cùng anh Trương Văn Q trả số tiền 16.740.000 đồng.

Ngoài ra bản án bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/8/2022, bị đơn Trương Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa phúc thẩm giải quyết chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn P buộc anh Q trả số tiền 3.551.000 đồng; không đồng ý trả tiền tại các biên nhận ngày 29/01/2018, ngày 27/01/2018 và ngày 02/02/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Trương Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bị đơn Trương Văn Q kháng cáo tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự, luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về thời hạn kháng cáo của anh Trương Văn Q còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trương Văn Q Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào năm 2018 anh Mai Văn P có bán hàng hóa cho anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim L đến ngày 06/02/2018 thì hai bên chốt lại nợ thì anh Q còn nợ anh P tổng số tiền là 60.720.000 đồng có làm giấy anh Q có ký tên. Đến ngày 20/9/2018 thì anh Q và chị L trả được số tiền 20.000.000 đồng, ngày 20/10/2018 thì anh Q và chị L trả được số tiền 20.000.000 đồng và ngày 20/11/2018 thì trả tiếp số tiền 4.000.000 đồng, tổng cộng là 44.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 16.740.000 đồng và hẹn đến tháng 12/2018 trả đủ nhưng đến hẹn anh Q và chị L không thực hiện kéo dài cho đến nay. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm anh Q không thừa nhận trong tổng số tiền khi chốt nợ 60.720.000 đồng có 03 phiếu giao hàng ngày 29/01/2028, ngày

27/01/2018, ngày 02/02/2018 với số tiền là 13.189.000 đồng anh Q yêu cầu trừ số tiền này ra anh đồng ý trả tiếp cho anh P số tiền là 3.551.000 đồng. Nhưng anh P không đồng ý, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào ngày 06/01/2018 bản khai của anh Q ngày 28/4/2022 (BL31) biên bản hòa giải ngày 28/4/2022 (BL38-39) anh Q thừa nhận còn nợ anh P là 16.740.000 đồng là có căn cứ.

Anh Q kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Q giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 134/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Q không được chấp nhận nên anh Q phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 244, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 468; Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trương Văn Q.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 134/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn P.

Buộc anh Trương Văn Q (tên thường gọi BX) phải có nghĩa vụ trả cho anh Mai Văn P số tiền 16.740.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn P về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim L cùng anh Trương Văn Q trả số tiền 16.740.000 đồng.

3. Về án phí:

- Anh Q phải chịu 837.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, anh Q đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010098 ngày 31/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C được chuyển sang án phí, anh Q còn nộp tiếp 837.000 đồng.

- Hoàn lại cho anh Mai Văn P 418.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001158 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan- Lê Thị Hồng Tâm

Trần Thị Kim Em

